TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 988 /EVN-KH V/v công bố thông tin doanh nghiệp theo NĐ 81/2015/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2016*

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công Thương.

Thực hiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) kính gửi Quí Bộ báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 của EVN phục vụ công bố thông tin theo quy định.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các PTGĐ;
- Lưu: KH.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Hoàng An

BÁO CÁO
Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Về sản xuất, cung ứng điện

Năm 2016, EVN đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân, vượt kế hoạch Nhà nước giao.

- *Điện sản xuất và mua*: 177,23 tỷ kWh, tăng 11% so với năm 2015.

- *Điện thương phẩm*: 159,79 tỷ kWh, tăng 11,2% so với năm 2015 và vượt hơn 900 triệu kWh so với kế hoạch, trong đó: Điện cấp cho Công nghiệp - Xây dựng chiếm 53,6%, tăng 11,01%; Điện cấp cho quản lý tiêu dùng chiếm 34,4%, tăng 9,1%; Điện cấp cho TM-KS-NH chiếm 5,5%, tăng 15,6%; Điện cấp cho nông nghiệp chiếm 2,3%; Thành phần khác chiếm 4,3%.

- Công tác điều hành hệ thống điện và thị trường điện đã phối hợp chặt chẽ bám sát nhu cầu sử dụng điện, tình hình thủy văn và kế hoạch vận hành của các nhà máy điện từng tuần, từng tháng, nhờ đó đã huy động hợp lý các nguồn điện, góp phần tối ưu hóa chi phí sản xuất và mua điện của EVN. Các NMNĐ Vĩnh Tân 2, Duyên Hải 1 vận hành ổn định đã đóng góp quan trọng vào việc đảm bảo cung cấp điện cho miền Nam trong mùa khô cũng như cả năm 2016.

Tập đoàn đã chủ động trong công tác điều hành các hồ thủy điện Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang để cấp trên 3 tỷ m^3 nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2015-2016 khu vực đồng bằng Bắc bộ. Trong các tháng mùa khô năm 2016, Tập đoàn đã huy động tối đa các nhiệt điện than, khí và cả các nguồn chạy dầu nhằm giữ nước các hồ thủy điện đảm bảo cấp nước hạ du, nhờ đó đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước hạ du của các địa phương khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

Công tác vận hành lưới điện truyền tải đáp ứng được yêu cầu truyền tải điện và nhu cầu sử dụng điện tại các khu vực. Đặc biệt đã đảm bảo truyền tải điện từ miền Bắc, miền Trung cấp cho miền Nam trên 15,8 tỷ kWh (tương đương ~18% nhu cầu điện của miền Nam), công suất truyền tải lớn nhất trên giao diện Bắc - Trung là 2.253MW và Trung - Nam đạt gần 3.900MW.

2. Kết quả đầu tư xây dựng các công trình điện

Năm 2016, công tác đầu tư xây dựng nguồn và lưới điện của EVN cơ bản đạt được các mục tiêu kế hoạch. Các dự án, công trình trọng điểm, cấp bách đảm bảo được tiến độ yêu cầu, hoàn thành nhiều công trình nguồn và lưới điện, tăng cường năng lực cấp điện cho hệ thống điện quốc gia. Giá trị khối lượng đầu tư toàn Tập đoàn ước đạt 134.858 tỷ đồng, bằng 101,8% KH (trong đó: đầu tư nguồn điện đạt

99,2% KH, đầu tư lưới điện đạt 104,5% KH). Các dự án sử dụng vốn NSNN đều giải ngân hết số vốn được bố trí trong kế hoạch năm 2016.

- *Các dự án ĐTXD nguồn điện*

- Hoàn thành đưa vào phát điện 5 tổ máy với tổng công suất 2.305MW, gồm: TĐ Lai Châu - TM2,3 (2x400MW); TĐ Huội Quảng TM2 (260MW); NĐ Duyên Hải 3 (2x622,5MW), trong đó TĐ Lai Châu đã hoàn thành vượt trước 01 năm so với tiến độ Quốc hội giao, công trình đã khánh thành ngày 20/12/2016.

- Đã khởi công dự án NĐ Vĩnh Tân 4 MR (tháng 4/2016).

- Các dự án nguồn điện cấp bách cấp điện cho miền Nam tại các TTĐL Vĩnh Tân và Duyên Hải (NĐ Vĩnh Tân 4, NĐ Vĩnh Tân 4 MR, NĐ Duyên Hải 3 MR) và các dự án trọng điểm như: NĐ Thái Bình, TĐ Thác Mơ MR, TĐ Đa Nhim MR cơ bản bám sát mục tiêu tiến độ giao năm 2016.

- Dự án ĐHN Ninh Thuận: Tập đoàn đang tiến hành rà soát, đánh giá các công việc liên quan sau khi Quốc hội thông qua chủ trương dừng thực hiện dự án.

- Các dự án tại các TTĐL Quảng Trạch, Tân Phước: sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ, Tập đoàn đã khẩn trương triển khai thực hiện. Cụ thể:

+ Đối với các dự án tại TTĐL Quảng Trạch: Tập đoàn phối hợp với tỉnh Quảng Bình lập kế hoạch triển khai thực hiện; phối hợp với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) tiến hành các công tác chuyển giao Chủ đầu tư, tiếp tục triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án.

+ Đối với các dự án tại TTĐL Tân Phước: Tập đoàn triển khai lập báo cáo Quy hoạch địa điểm theo hướng nghiên cứu đầu tư các dự án sử dụng khí LNG thay cho các dự án NMNĐ than trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh.

- *Các dự án, công trình lưới điện*

- Trong năm 2016 toàn Tập đoàn đã hoàn thành 297 công trình lưới điện (10 công trình 500kV, 49 công trình 220kV và 238 công trình 110kV), trong đó có nhiều dự án quan trọng như: các trạm 500kV Pleiku 2, Phối Nối, nâng CS trạm 500kV Thường Tín, các ĐD 220kV Vũng Áng - Ba Đồn - Đồng Hới, Xekaman 1 - Pleiku 2, Cầu Bông - Hóc Môn - Rẽ Bình Tân, Phan Thiết - Phú Mỹ 2 và các TBA 220kV Sơn Tây, Hàm Tân, Mỹ Xuân ...

- Khởi công xây dựng được 314 công trình (gồm: 8 công trình 500kV, 41 công trình 220kV và 265 công trình 110kV).

- Các dự án cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo: Đã hoàn thành các dự án cấp điện xã đảo Cái Chiên (Quảng Ninh), Cù Lao Chàm (Quảng Nam), xã đảo Lại Sơn, Hòn Nghệ (Kiên Giang), các dự án cấp điện cho các hộ dân chưa có điện tại Sơn La, Lào Cai, Thái Nguyên... Đối với các dự án cấp điện nông thôn sử dụng vốn NSNN, các đơn vị rất nỗ lực thực hiện theo kế hoạch vốn được giao năm 2016, trong đó đã khởi công 5 dự án cấp điện nông thôn tại các tỉnh Lạng Sơn, Khánh Hòa, Hậu Giang, Cà Mau, Kiên Giang (giai đoạn 2).

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hiệu quả SXKD và tăng năng suất lao động

- Doanh thu bán điện: toàn Tập đoàn ước đạt 264.680 tỷ đồng, tăng 12,9% so với năm 2015.

- Giảm tổn thất điện năng: tổn thất đạt 7,57%, giảm 0,37% so với năm 2016.

- Độ tin cậy cung cấp điện: Tính chung toàn EVN tổng thời gian mất điện của khách hàng bình quân (SAIDI) là 1.579 phút, giảm 25,1% so với năm 2015 (2.110 phút); Tần suất mất điện kéo dài bình quân (SAIFI) là 10,23 lần/khách hàng, giảm 23%; Tần suất mất điện thoáng qua bình quân (MAIFI) là 1,94 lần/khách hàng, giảm 4,35%.

- Thời gian giải quyết cấp điện đối với lưới trung áp bình quân là 6,52 ngày, ít hơn so với chỉ tiêu đề ra là 10 ngày, góp phần cải thiện Chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam đứng ở vị trí 96/190, tăng 5 bậc so với năm 2015.

- Điểm bình quân mức độ hài lòng khách hàng sử dụng điện toàn EVN năm 2016 là 7,69/10 điểm, tăng 0,42 điểm so với năm 2015 (7,27 điểm).

- Công tác thu tiền điện: Các TCTĐL đã triển khai đa dạng hóa các hình thức thu theo phương châm cung cấp dịch vụ thu tiền mọi lúc mọi nơi như: thu tại quầy, tại điểm thu, thu hộ giữa các Điện lực, thu qua ngân hàng, thu qua bưu điện, thuê dịch vụ bán lẻ điện năng, thu qua thẻ ATM, Internet, SMS...).

- Ứng dụng công nghệ thông tin: EVN đã nâng cấp và khai thác có hiệu quả các hệ thống phần mềm dùng chung phục vụ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh như: hệ thống E-Office, Hệ thống quản lý khách hàng dùng điện; Hệ thống quản lý tài chính, vật tư; Hệ thống hóa đơn điện tử; Kho dữ liệu đo đếm; Hệ thống phần mềm quản lý đầu tư xây dựng; Hệ thống phần mềm quản lý kỹ thuật lưới điện và nguồn điện; Phần mềm quản lý nhân sự.

- Năng suất lao động SXKD điện: tính chung toàn EVN ước tăng 11% so với năm 2015 (đạt 1,737 triệu kWh/người), vượt KH gần 1%.

- Lợi nhuận sản xuất kinh doanh điện: Công ty mẹ - EVN và 9 Tổng công ty đạt kế hoạch lợi nhuận.

4. Công tác cổ phần hóa và thoái vốn

- Công tác cổ phần hóa (CPH), thoái giảm vốn triển khai đúng trình tự, thủ tục và tiến độ.

+ TCT Phát điện 3: Hoàn thành công bố giá trị doanh nghiệp (GTDN) để CPH; Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án CPH.

+ TCT ty Phát điện 1: EVN đang làm việc với Kiểm toán nhà nước (KTNN), cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan để KTNN thẩm định GTDN; Hoàn thành thủ tục, báo cáo Bộ Công Thương phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn xác định GTDN.

+ TCT Phát điện 2: Hoàn thành thủ tục, báo cáo Bộ Công Thương phê duyệt dự toán chi phí CPH GENCO2

- Trong năm 2017 EVN hoàn thành giảm vốn góp tại CTCP Cơ điện Thủ Đức xuống dưới mức chi phối theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, giảm vốn góp từ 56,92% xuống còn 40,05% vốn điều lệ. Tập đoàn đã báo cáo và được Bộ Công Thương cho phép thoái hết 15% vốn điều lệ tại EVNFinance.

- Đối với các đơn vị thành viên, Tập đoàn đã kiên quyết chỉ đạo và các Tổng công ty đã hoàn thành thoái vốn tại các CTCP mà các đơn vị không cần nắm giữ cổ phần, giá trị mệnh giá là 236,6 tỷ đồng, thu về 418,4 tỷ đồng.

5. Công tác bảo vệ môi trường

Trong năm 2016, công tác quản lý và bảo vệ môi trường (BVMT) của EVN và các đơn vị được đặc biệt chú trọng và gắn kết chặt chẽ với các hoạt động sản xuất và đầu tư xây dựng, nhận thức về công tác bảo vệ môi trường trong EVN đã được nâng lên rõ rệt.

- Đối với các nhà máy nhiệt điện (NMNĐ): Rà soát hiện trạng phát thải các NMNĐ đốt than, xây dựng các dự án cải tạo, nâng cấp để cải thiện các chỉ tiêu môi trường. Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra, đôn đốc công tác bảo vệ môi trường các NMNĐ theo chương trình định kỳ và đột xuất theo yêu cầu Bộ Công Thương. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng các yêu cầu về môi trường trong dự án cải tạo hệ thống xử lý nước sinh hoạt NMNĐ Cần Thơ, xin cấp phép khai thác tài nguyên nước, xả nước thải.

- Đối với các nhà máy thủy điện: Tập đoàn đang rà soát sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường của EVN để phù hợp với Luật Tài nguyên nước và các Nghị định, Thông tư kèm theo; Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các đơn vị quá trình cấp Giấy phép khai thác và sử dụng nước mặt cho các nhà máy thủy điện.

- Để tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường ngay từ khâu chuẩn bị đầu tư các dự án điện, Tập đoàn đã hướng dẫn bổ sung các yêu cầu, nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án nguồn và lưới điện đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện cao hơn về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Các NMNĐ trong EVN đã thiết lập các Phòng cộng đồng với những hình ảnh, video clip sinh động, hàng tháng tổ chức cho người dân vào tham quan nhà máy, góp phần cho cộng đồng dân cư hiểu rõ hơn về dây chuyền sản xuất điện cũng như công tác BVMT. Các thông số phát thải như nước thải, khí thải đều được truyền trực tiếp về sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát theo chức năng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

1. Mục tiêu

Đảm bảo cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đời sống nhân dân; Đảm bảo tiến độ và đưa vào vận hành các dự án nguồn và lưới điện theo kế hoạch; Tiếp tục quá trình tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp; Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng khoa học công nghệ; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động để sản xuất kinh doanh có lợi nhuận.

2. Nhiệm vụ

(i) Vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện quốc gia, đảm bảo cung cấp đủ điện cho phát triển KT-XH và sinh hoạt của nhân dân.

(ii) Đảm bảo tiến độ, chất lượng đầu tư xây dựng các dự án, công trình nguồn và lưới điện, nghiên cứu đầu tư phát triển điện mặt trời tại các khu vực có tiềm năng. Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường trong đầu tư xây dựng và vận hành khai thác các công trình điện.

(iii) Nâng cao hiệu quả SXKD và tăng năng suất lao động năm 2017. Phấn đấu toàn Tập đoàn và từng đơn vị đạt kế hoạch lợi nhuận.

(iv) Tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, hoàn thiện bộ máy tổ chức sản xuất phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành Điện.

(v) Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành. Hoàn thành và triển khai đề án văn phòng điện tử để đảm bảo quản lý hành chính toàn Tập đoàn ở cấp độ 4.

(vi) Tổ chức thực hiện chủ đề năm "Đẩy mạnh Khoa học Công nghệ" với các đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ đem lại hiệu quả trong quản lý,vận hành từ sản xuất, truyền tải tới khâu phân phối điện, tăng năng suất lao động và bảo vệ môi trường.

(vii) Đảm bảo việc làm, đời sống người lao động. Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội và an ninh, quốc phòng

(viii)Phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chấp hành chính sách, pháp luật của nhà nước, thực hiện dân chủ cơ sở

3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

3.1. Kế hoạch sản xuất, cung ứng và kinh doanh điện

- Điện thương phẩm: 177,59 tỷ kWh.
- Điện sản xuất và mua của EVN: 197,2 tỷ kWh. Sẵn sàng chuẩn bị đáp ứng cho khả năng nhu cầu điện tăng cao hơn.
- Tỷ lệ tổn thất điện năng toàn Tập đoàn: 7,6%.

- Chỉ tiêu độ tin cậy cung ứng điện của toàn Tập đoàn: SAIDI: 1.183 phút, SAIFI: 10,7 lần, MAIFI: 2,4 lần.

- Sản lượng điện truyền tải: 174,75 tỷ kWh.

- Thời gian tiếp cận điện năng (các thủ tục của Điện lực): ≤10 ngày;

3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

a) Nguồn điện

- Hoàn thành đưa vào vận hành 10 tổ máy/1.635MW thuộc 5 dự án, gồm: TĐ Trung Sơn (4x65MW); TĐ Sông Bung 2 (2x50MW); TĐ Thác Mơ MR (75MW); NĐ Vĩnh Tân 4 - TM1 (600MW); NĐ Thái Bình (2x300MW);

- Tái khởi động dự án Cơ sở hạ tầng TTĐL Quảng Trạch và khởi công dự án NĐ Quảng Trạch I (2x600MW).

- Đảm bảo tiến độ các dự án sẽ phát điện năm 2018 gồm: NĐ Vĩnh Tân 4 (TM2), NĐ Duyên Hải 3 MR, TĐ Đa Nhim MR.

- Đẩy nhanh các thủ tục đầu tư xây dựng các dự án: TĐ Ialy MR, Hòa Bình MR, Trị An MR, TĐ tích năng Bắc Ái, NĐ Ô Môn 3,4, các dự án tại TTĐL Tân Phước và các dự án ĐMT Phước Thái, Sông Bình và dự án ĐMT Trị An.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ các giải pháp đảm bảo môi trường theo quy định, đặc biệt tại TTĐL Vĩnh Tân và Duyên Hải.

b) Lưới điện

- Hoàn thành và đưa vào vận hành 283 công trình lưới điện từ 110-500kV (gồm 13 công trình 500kV, 57 công trình 220kV và 213 công trình 110kV), đặc biệt các công trình trọng điểm, cấp bách để cấp điện cho miền Nam, cấp điện cho TP Hà Nội, cấp điện cho Hội nghị APEC diễn ra tại Đà Nẵng, các dự án lưới điện đồng bộ các nguồn điện…

- Khởi công 291 công trình lưới điện 110-500kV (gồm 11 công trình 500kV, 36 công trình 220kV và 244 công trình 110kV), trong đó phấn đấu khởi công các công trình trên tuyến ĐD 500kV Vũng Áng-Dốc Sỏi-Pleiku 2 vào cuối năm 2017.

- Đảm bảo tiến độ thi công và giải ngân đối với các dự án cấp điện nông thôn phù hợp với phân bổ vốn NSNN năm 2017 và nguồn vốn ODA.

4. Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2017

4.1. Nhóm giải pháp điều hành

a. Trong sản xuất kinh doanh

- Điều hành hệ thống điện quốc gia, vận hành an toàn, ổn định và kinh tế hệ thống điện trong điều kiện hoạt động của thị trường điện; đảm bảo tiến độ sửa chữa lớn, đại tu các nhà máy điện, lưới điện theo kế hoạch; đưa các nhà máy điện mới vào vận hành đúng tiến độ. Chủ động đảm bảo nguồn nhiên liệu cho phát điện, đặc biệt là nguồn cung cấp than.

- Đảm bảo tính khả dụng của các tổ máy phát điện, khôi phục công suất thiết kế, nâng cao hiệu suất của các nhà máy điện, nhất là các nhà máy nhiệt điện than.

- Rà soát thường xuyên tình hình vận hành của đường dây và trạm, kịp thời phát hiện các thiết bị có nguy cơ hư hỏng, gây sự cố để chủ động thay thế.

- Áp dụng mọi biện pháp quản lý và biện pháp kỹ thuật để giảm tổn thất điện năng trên hệ thống, giảm sản lượng điện mua đầu nguồn.

- Hạn chế tối đa cắt điện khi sửa chữa, bảo dưỡng, thi công công trình đường dây và trạm biến áp.

- Hoàn thiện, củng cố hệ thống viễn thông dùng riêng, hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và phục vụ tốt vận hành thị trường điện.

- Siết chặt kỷ luật vận hành không để xảy ra sự cố chủ quan. Tiếp tục tập trung mọi nỗ lực, triển khai các biện pháp toàn diện và quyết liệt nhằm ngăn chặn và giảm thiểu tai nạn lao động.

b. Trong đầu tư xây dựng

- Chuẩn hóa các quy trình thực hiện từng công đoạn trong quản lý đầu tư, quy định cụ thể trách nhiệm từng cá nhân được giao nhiệm vụ gắn với chỉ tiêu cụ thể để đánh giá mức độ hoàn thành công việc và trách nhiệm khi để xảy ra sai sót.

- Rà soát hoàn thiện hệ thống các quy định quản lý nội bộ từng cấp có liên quan đến quản lý chất lượng công trình xây dựng để hoàn thiện và cập nhật, ban hành áp dụng kịp thời.

- Lãnh đạo các đơn vị tổ chức thực hiện ngay từ đầu năm các nhiệm vụ ĐTXD, phê duyệt kế hoạch mục tiêu tiến độ cho từng dự án để làm cơ sở chỉ đạo điều hành. Đảm bảo tính đồng bộ trong đầu tư xây dựng các công trình nguồn và lưới điện, giữa các công trình lưới điện truyền tải và phân phối.

- Ưu tiên bố trí đủ vốn cho các công trình trọng điểm, các công trình phải hoàn thành trong năm. Các Ban QLDA cần đặc biệt chú trọng công tác lập kế hoạch vốn, nghiệm thu khối lượng hoàn thành kịp thời cho các nhà thầu để thanh toán và giải ngân nhanh các nguồn vốn vay trong nước và nước ngoài.

4.2. Nhóm giải pháp quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức quản lý, bộ máy điều hành theo hướng thống nhất trong các Tổng công ty thuộc EVN; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính nội bộ và thủ tục hành chính liên quan tới dịch vụ khách hàng.

- Từng bước sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty mẹ cho phù hợp yêu cầu hoạt động SXKD trong giai đoạn thị trường bán buôn điện cạnh tranh; tăng cường khả năng điều hành của Công ty mẹ đối với hoạt động của các công ty con, thực hiện có hiệu quả kế hoạch phối hợp chung của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn để đảm bảo sự phát triển bền vững của toàn Tập đoàn.

- Tăng cường phân cấp quyền hạn, trách nhiệm trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư giữa EVN và các đơn vị thành viên; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với hiệu quả thực hiện công việc.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc theo hiệu quả, năng suất và chất lượng trên cơ sở đưa vào áp dụng hệ thống bảng điểm cân bằng (Balanced Scorecard-BSC) và hệ thống chỉ số đo lường hiệu suất (Key Performance Indicator - KPI).

- Hiện đại hóa công tác quản lý thông qua việc trang bị các công cụ và các chương trình phần mềm phục vụ quản lý điều hành các mặt hoạt động.

4.3. Nhóm giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ chỉ tiêu tuyển dụng lao động mới hàng năm của từng đơn vị.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát giá điện, không để xảy ra thất thoát doanh thu do mất cắp điện năng, áp sai giá điện cho các đối tượng và mục đích sử dụng điện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn theo từng nội dung chuyên đề trong quá trình thực hiện. Trong đó kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư trong tất cả các giai đoạn: chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư, nghiệm thu bàn giao và quyết toán công trình. Sử dụng mạnh mẽ các công cụ chế tài đối với các nhà thầu (tư vấn, cung cấp vật tư thiết bị, thi công xây lắp) có vi phạm quy định trong hợp đồng. Ngoài việc xử lý theo trách nhiệm hợp đồng, các Ban QLDA phải chủ động lập quy trình áp dụng các chế tài xử lý mạnh, cương quyết như cảnh báo áp dụng phương án cấm có thời hạn hoặc dài hạn không cho các nhà thầu này tham gia thực hiện các dự án tiếp theo của EVN.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy trình, qui định an toàn lao động tại hiện trường của các đơn vị công tác và công nhân trực tiếp. Đặc biệt, xem xét các hình thức xử lý nghiêm đối với cán bộ lãnh đạo từ cấp tổ trưởng đến người đứng đầu đơn vị để xảy ra tai nạn lao động.

- Đối với công tác BVMT: Tổ chức tập huấn về công tác BVMT đến người lao động, nâng cao kiến thức hiểu biết về BVMT. Định kỳ và đột xuất kiểm tra, thanh tra về công tác BVMT tại các dự án ĐTXD, nhà máy điện, các phân xưởng sửa chữa. Kịp thời khắc phục các tồn tại (nếu có) trong công tác BVMT theo các quy định của pháp luật về môi trường. Tuyệt đối không để xảy ra bất kỳ sự cố, khiếu kiện nào liên quan đến vấn đề môi trường của đơn vị; Quán triệt vấn đề BVMT là sự tồn tại của đơn vị, uy tín của doanh nghiệp.

4.4. Nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp với các chương trình, nội dung đào tạo đảm bảo thiết thực và phù hợp với các kiến thức

quản lý doanh nghiệp toàn diện (xây dựng chiến lược, quản trị tài chính, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư...).

- Tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư tài năng, chuyên gia kỹ thuật trong các lĩnh vực mũi nhọn như quản lý hệ thống điện, truyền tải, sửa chữa nhiệt điện, tự động hóa và công nghệ thông tin...

- Đẩy mạnh công tác đào tạo lực lượng quản lý kỹ thuật - vận hành: đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật được đào tạo, sát hạch, đánh giá thường xuyên để đảm bảo đủ năng lực thực hiện công việc theo quy trình, quy phạm. Đảm bảo nguồn nhân lực sẵn sàng khi công trình đi vào vận hành; Đào tạo bổ sung, đón đầu cho những ngành còn thiếu, còn yếu như: Năng lượng mới (điện mặt trời, điện gió).

- Đổi mới hình thức đào tạo: chú trọng đào tạo lại, đào tạo nâng cao đối với lực lượng lao động trực tiếp quản lý kỹ thuật - vận hành về nghiệp vụ và chuyên môn bằng các chương trình đào tạo phù hợp, thiết thực, hiệu quả trong khuôn khổ kinh phí đào tạo hàng năm của đơn vị. Tổ chức thường xuyên các buổi bồi huấn chuyên môn, nghiệp vụ, truyền đạt kinh nghiệm vận hành thực tiễn cho các công nhân, kỹ sư tại các phân xưởng, tổ đội sản xuất.

- Tập trung vào các chương trình đào tạo về công nghệ-kỹ thuật mới như: sử dụng công nghệ thông tin, thi công trên đường dây đang mang điện (live-line); vận hành và quản lý lưới điện thông minh, hệ thống đo đếm tiên tiến AMR/AMI; kỹ thuật làm chủ công nghệ nhiệt điện, nâng cao hiệu quả sử dụng than, khí đốt, tăng độ tin cậy và hệ số sẵn sàng thiết bị, kỹ năng giao tiếp dịch vụ khách hàng...

4.5. Nhóm giải pháp tăng cường áp dụng khoa học công nghệ

- Xây dựng các đề án / dự án / kế hoạch để triển khai nhiệm vụ chính để thực hiện chủ đề năm "Đẩy mạnh Khoa học Công nghệ".

- Thành lập Trung tâm nghiên cứu khoa học và ứng dụng trực thuộc Tập đoàn sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương. Tổ chức lại các đơn vị chế tạo thiết bị điện; nâng cao năng lực đơn vị chế tạo thiết bị.

- Khuyến khích các đơn vị nghiên cứu, phát triển công nghệ có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn, giá thành hợp lý, có thể áp dụng đại trà. Khuyến khích cá nhân, tập thể đề xuất sáng kiến, giải pháp kỹ thuật phục hồi thiết bị, nghiên cứu áp dụng những thiết bị, công nghệ mới để thay thế những thiết bị đã cũ hiện không còn sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình sản xuất.

- Đẩy mạnh các hoạt động, chương trình hợp tác quốc tế để tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến. Tăng cường sử dụng, khai thác tối đa các điều khoản về chuyển giao công nghệ, đào tạo trong các hợp đồng mua sắm dây chuyền sản xuất, vật tư thiết bị, các hợp đồng dịch vụ tư vấn, đảm bảo làm chủ công nghệ sau khi tiếp nhận và tự nâng cấp, mở rộng khi cần thiết, tránh lệ thuộc vào nhà cung cấp, tiết kiệm kinh phí.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tỷ kWh	177,6
2	Sản lượng điện sản xuất và mua	Tỷ kWh	197,2
3	Tỷ lệ tổn thất điện năng	%	7,6%
4	Doanh thu SXKD điện	Tỷ đồng	244.613
5	Tổng vốn đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	137.071